

Số /GP-TNMT

Pleiku, ngày tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

TRƯỞNG PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ PLEIKU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2023 của
UBND thành phố Pleiku về việc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của cơ quan cấp Giấy phép môi trường;

Xét đề nghị của giám đốc Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai tại Văn bản
ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc cấp giấy phép môi trường của dự án Siêu thị
CoopMart Pleiku; Văn bản số 10/CV-PK ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc tiếp
thu giải trình, kết quả thẩm định cấp giấy phép môi trường cho dự án Siêu thị
CoopMart Pleiku tại 21 Cách Mạng Tháng 8, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku,
tỉnh Gia Lai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường tại Tờ trình số
11/TTr-TTĐ ngày 19/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai được thực hiện
các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Siêu thị CoopMart Pleiku, địa điểm
thực hiện: 21 Cách Mạng Tháng 8, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia
Lai, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1 Tên dự án: Siêu thị CoopMart Pleiku.

1.2 Địa chỉ thực hiện: 21 Cách Mạng Tháng 8, phường Hoa Lư, thành phố
Pleiku, tỉnh Gia Lai.

1.3 Đơn vị chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai

1.4 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 5900368395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai, Phòng Đăng ký Kinh doanh cấp; đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Mua bán hơn 20.000 mặt hàng các loại bao gồm: hàng may mặc, hàng tiêu dùng, thực phẩm, đồ điện gia dụng, đồ nội thất, đồ dùng gia đình,...và các dịch vụ ăn uống, vui chơi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án: Tổng vốn đầu tư Tổng mức đầu tư của dự án: 35.000.000.000 VNĐ (*Ba mươi lăm tỷ đồng*). Dự án có tiêu chí tương đương dự án nhóm C (theo quy định tại Mục 4, Điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc Hội).

2 Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự

cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Pleiku, UBND phường Hoa Lư tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường(báo cáo);
- UBND thành phố Pleiku(báo cáo);
- UBND phường Hoa Lư (theo dõi);
- Lãnh đạo phòng TNMT;
- Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai (thực hiện);
- Lưu VT, HS.

TRƯỞNG PHÒNG

Mai Văn Hoàn

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-TNMT ngày tháng 7 năm 2024 của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Pleiku)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của CBCNV và khu dịch vụ ăn uống

- Lưu lượng xả nước thải trung bình: tối đa 50 m³/ngày đêm

Dòng nước thải: Dòng nước thải sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn, sau đó qua bể trung gian và đưa vào hệ thống xử lý nước thải của Siêu thị với công suất 50 m³/ngày đêm.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH trong khoảng	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

- Vị trí công trình xả nước thải:

+ Địa điểm: Công thoát nước chung của thành phố Pleiku trên đường Cách mạng Tháng 8.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước chung của thành phố Pleiku trên đường Cách mạng Tháng 8.

+ Tọa độ vị trí nơi xả nước thải: X= 1546.939; Y= 04446698.

(Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom và thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực siêu thị bao gồm:

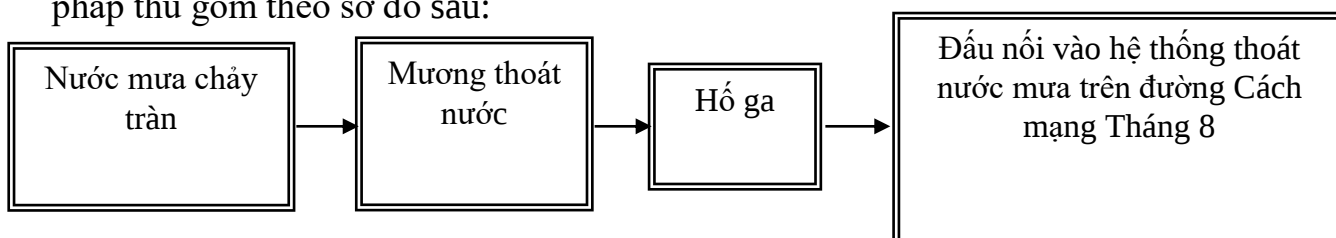
+ Nước mưa từ trên mái khu vực kinh doanh, văn phòng làm việc;

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực công trình phụ: nhà để xe 1,2...

Nước mưa từ trên mái được đánh giá là tương đối sạch sẽ được thu gom bằng máng thu và ống dẫn từ trên mái xuống, chảy vào mương thoát nước mưa chảy tràn của siêu thị.

Nước mưa chảy tràn trên sân bê tông cuốn theo đất cát, rác thải rơi vãi được thu gom qua các ống xối, sênô mái, các mương dẫn hở,...và theo các rãnh được xây dựng ngầm hoặc hở chạy dọc theo xung quanh khuôn viên siêu thị, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Toàn bộ mặt bằng siêu thị đều được bê tông hóa, nên việc thu gom nước mưa tương đối dễ dàng, hạn chế được phần nào ô nhiễm đến môi trường, biện pháp thu gom theo sơ đồ sau:



2. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

2.1 Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh nhà vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại Siêu thị; khách hàng đến tham quan mua sắm, ăn uống và vui chơi ước tính tại thời điểm cao nhất $Q_1=10,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

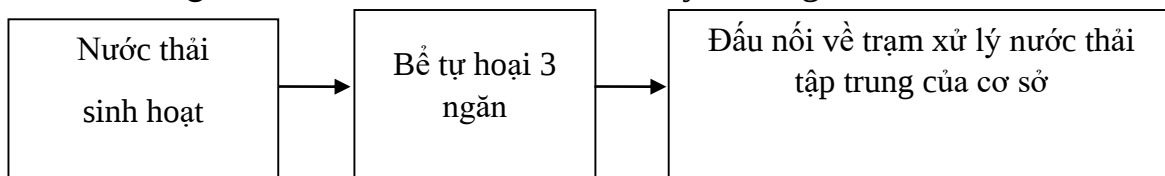
+ Đặc điểm cơ bản của nước thải sinh hoạt là trong đó có hàm lượng cao của các chất hữu cơ không bền vững, dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), chất dinh dưỡng (phospho, nito), chất rắn và vi trùng.

2.2 Biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

Siêu thị Coop Mart Pleiku đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Khu xử lý nước thải của nhà máy nằm cách xa phân xưởng sản xuất, thuận lợi cho việc xử lý và xả nước thải. Chất lượng nước

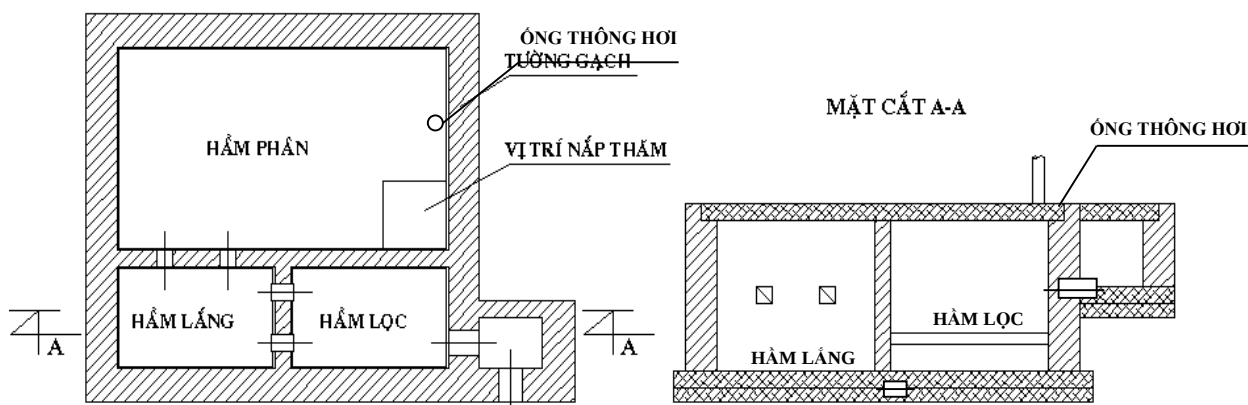
thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột B, K=1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn ra mương tự chảy đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Pleiku trên đường Cách mạng Tháng 8.

Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của siêu thị, còn lượng bùn dư sẽ được thuê xe hút chuyên dùng.



+ Nước thải từ các nhà vệ sinh:

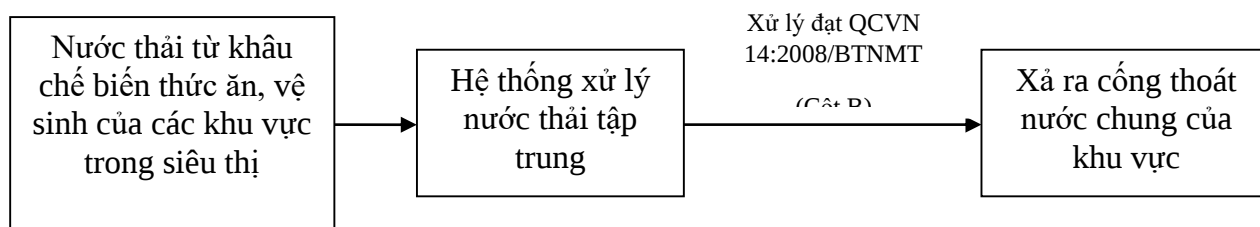
Nước thải sau khi theo hệ thống ống dẫn khép kín thoát xuống bể tự hoại và qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Thời gian lưu nước trong bể dao động 3, 6, 12 tháng, cặn lắng sẽ bị phân hủy yếm khí trong ngăn yếm khí. Sau đó nước thải qua ngăn lắng và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao. Cấu tạo bể tự hoại được trình bày trong.



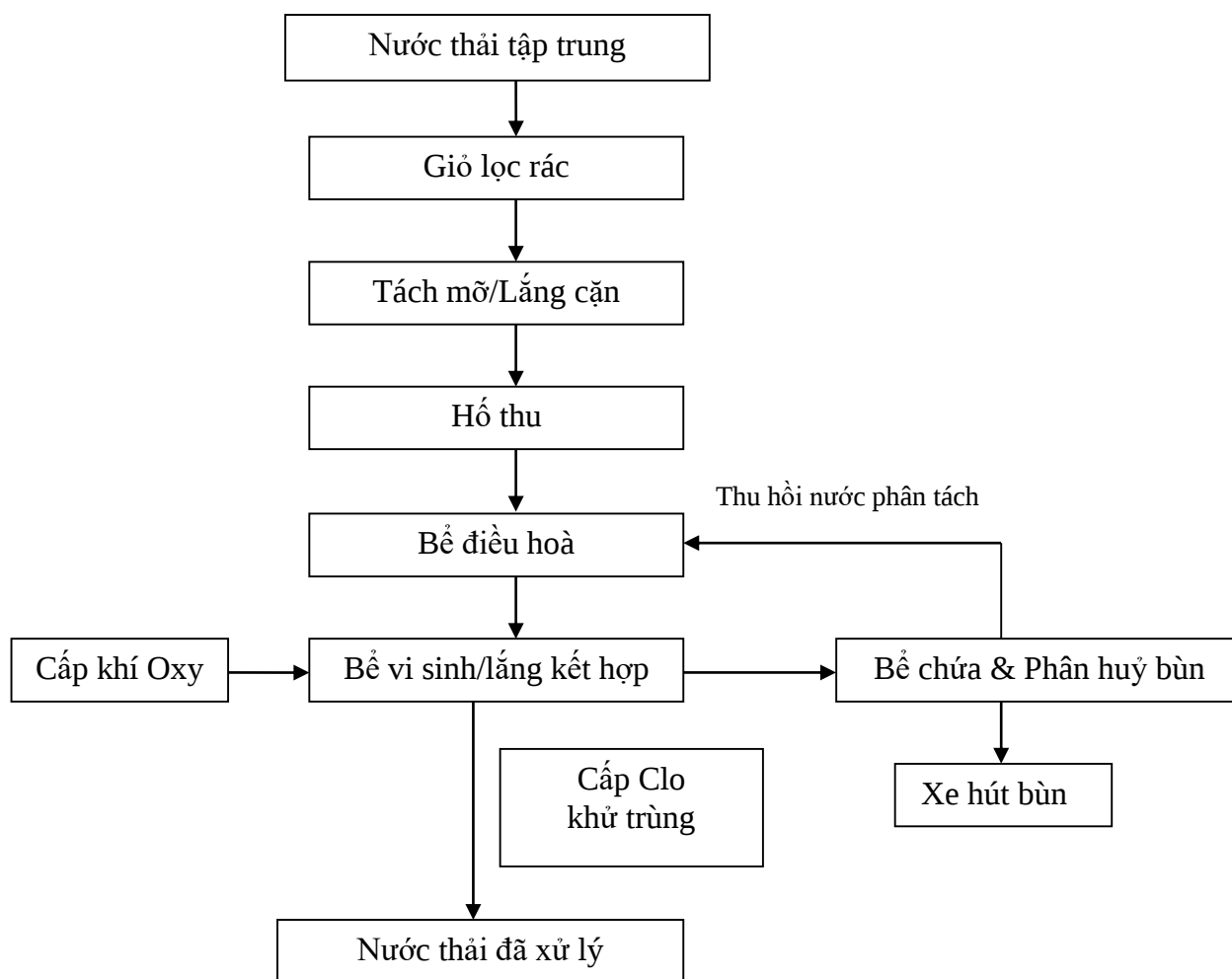
Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

+ Nước thải từ khâu chế biến thức ăn, vệ sinh của các khu vực trong Siêu thị:

Nước thải từ khu vực này được thu gom vào hệ thống ống dẫn bằng nhựa khép kín và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị.



Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải có lẫn dầu mỡ:



Sơ đồ xử lý nước thải có dầu mỡ

Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại và nước thải từ khâu chế biến thức ăn sau khi được thu gom và dẫn qua giỏ lọc rác trước khi chảy về bể tách mỡ/lắng cặn.

Do đặc thù nguồn nước thải này chứa nhiều cặn bã, dầu mỡ nếu không được tách triệt để sẽ gây nghẹt đường ống và ảnh hưởng đến hệ vi sinh. Tại mương tách mỡ/lắng cặn, nước thải bị phân tách làm 3 lớp:

- Lớp nhẹ nổi lên trên bề mặt gồm: dầu mỡ, bọt,...
- Lớp giữa là nước thải
- Lớp cặn lắng dưới đáy gồm: bùn, đất, cát,...

Lớp nhẹ nổi lên trên và lớp cặn lắng dưới đáy sẽ được hút bỏ định kỳ bằng xe chuyên dụng. Lớp giữa sẽ xả chảy sang bể điều hoà.

Tại bể điều hoà dàn ống sục khí dưới đáy bể khuấy trộn làm đồng đều các thành phần nước thải (BOD, COD, pH, Nhiệt độ,...) và ổn định lưu lượng trước khi vào bể vi sinh.

Hoạt động của bể vi sinh/lắng kết hợp: Tại pha sục khí của bể vi sinh, nước thải được trộn đều với khí Oxy được cấp từ ngoài vào qua dàn đĩa phân phối khí dưới đáy bể bằng 2 máy thổi khí, hỗn hợp khí và nước được trộn lẫn với bùn vi sinh đồng thời quá trình xử lý BOD, Nito, Photpho và các chất khác diễn ra mạnh mẽ. Sau một thời gian nhất định chuyển sang pha lắng, tại đây khí được ngừng cung cấp vào bể tạo môi trường yên tĩnh và với khả năng lắng nhanh dựa vào trọng lực, bùn vi sinh sẽ lắng xuống đáy bể để lại lớp nước trong phía trên.

Clo từ bồn chứa clo sẽ được bơm trực tiếp vào đường ống dẫn lớp nước trong đã thu hồi trước đó để khử trùng trước khi xả ra vị trí tiếp nhận. Nước thải sau khi được khử trùng đạt QCVN 14:2008/QCVN(Cột B) trước khi thải ra công thoát nước chung của khu vực.

Bùn vi sinh dư được đưa về bể chứa và phân tách thành nước bản và xác bùn, Nước bản được thu hồi về bể điều hoà và xử lý theo chu trình, còn xác bùn và các cặn lắng khác sẽ được hút bỏ bằng xe hút chuyên dụng, định kỳ khoảng 6 tháng/1 lần.

Riêng mùi hôi phát sinh trong hệ thống xử lý nước thải, do công nghệ xử lý nước thải đề ra ở đây là công nghệ xử lý sinh học hiếu khí kín, do đó lượng mùi hôi sẽ không phát sinh ra môi trường nhiều. Đồng thời việc phát sinh mùi chủ yếu do phân hủy hiếu khí mà ra, nên việc sục khí đều đặn sẽ làm tăng sự hoạt động của các vi sinh hiếu khí từ đó mùi sẽ được hạn chế phát sinh. Ngoài ra chủ đầu tư cần bố trí khu vực xử lý nước thải cách ly với khu vực ăn uống, thường xuyên kiểm tra các thiết bị sục khí tránh hư hỏng sẽ dẫn đến việc phân huỷ yếm khí....

*** Hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng**

- Siêu thị sử dụng hóa chất Chlorine trong công đoạn khử trùng để tiêu diệt toàn bộ các vi khuẩn gây bệnh có trong nước thải, đảm bảo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh đạt quy chuẩn nước thải sinh hoạt loại B theo QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

+ Quy trình pha hóa chất Chlorine: thùng hóa chất có dung tích 500l, mỗi lần pha 4kg Chlorine, cho nước sạch vào bồn đến vạch định mức 400l. Sau đó đổ từ từ Chlorine vào và khuấy trộn đến khi Chlorine tan hoàn toàn.

3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục quy định tại khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ.
- Công nhân vận hành phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

- Bên cạnh đó phải chuẩn bị các phương án không chế các sự cố dự phòng nhằm có thể xử lý kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

5. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý nước thải của dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022- Quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn về bảo vệ môi trường trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của thành phố Pleiku theo quy định.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-TNMT ngày tháng 7 năm 2024 của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Pleiku)

I. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

Nguồn phát sinh: Trong quá trình hoạt động của các khu vực của Siêu thị làm phát sinh khí thải từ các hoạt động sau:

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (Bụi, SO₂, NO_x, CO, SO₃, VOC) hoạt động trong trường hợp mất điện phục vụ nhu cầu sử dụng điện của văn phòng;
- Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển hàng hoá và của các phương tiện của khách hàng ra vào Siêu thị (bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC);
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng: Máy phát điện dự phòng sẽ được lắp đặt tại cơ sở nhằm đảm bảo sự hoạt động liên tục của quá trình sản xuất trong trường hợp gặp sự cố mất điện. Tuy nhiên, nguồn ô nhiễm từ máy phát điện được xem là không đáng kể và là nguồn không liên tục.

2. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

2.1 Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại siêu thị:

- Giảm thiểu tác động khí thải từ máy phát điện dự phòng: Để giảm thiểu tác động của khí thải sinh ra từ việc đốt nhiên liệu chạy máy phát điện thì Siêu thị áp dụng các biện pháp sau: Đầu tư máy phát điện mới, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng; Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và xăng dầu trong máy.
- Giảm thiểu khí thải của các phương tiện giao thông: Bê tông hóa toàn bộ các đường giao thông trong phạm vi nội bộ Siêu thị tránh gây ra bụi bẩn, sắp xếp giờ giấc làm việc của xe một cách hợp lý...; Xe vận chuyển chở đúng trọng tải qui định; Dùng đúng loại nhiên liệu qui định theo thiết kế của động cơ.
- Giảm thiểu mùi: Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định cho nhân viên từ khu chế biến thức ăn (găng tay, khẩu trang, , mắt kính,...); Định kỳ vận chuyển rác, bùn thải, khai thông cống rãnh.

2.2 Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2.3 Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

2.4 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

PHỤ LỤC 3
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-TNMT ngày tháng 7 năm 2024
của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Pleiku)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: do hoạt động của con người và các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

Nguồn số 02: phát sinh trong trường hợp sử dụng máy phát điện Dự phòng và các máy móc thiết bị kỹ thuật.

2. Tiếng ồn và độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BNTMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT. Cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45		Khu vực đặc biệt

Giá trị giới hạn độ rung

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55		Khu vực đặc biệt

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Quy định tốc độ, hạn chế còi xe, máy móc hoạt động trong khu vực.
- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các máy móc thiết bị gia công, phương tiện giao thông đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt. Tuyệt đối không sử dụng phương tiện, máy móc thiết bị gia công quá cũ, kém chất lượng.
- Bố trí các bộ phận gây ồn cách xa nhau, có vách ngăn giữa các phòng chức năng.

2. Biện pháp giảm tác động do độ rung

Dự án sử dụng các máy móc, thiết bị hiện đại và được xây lắp trên các bệ bê tông hoặc lót đệm cao su, tránh đặt các máy móc này kế gần tường, tránh gây hiện tượng rung cộng hưởng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường /GP-TNMT ngày tháng 7 năm 2024
của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Pleiku

I. Quản lý chất thải:

1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Rác thải sinh hoạt phát sinh do hoạt động sinh hoạt hằng ngày của cán bộ, nhân viên trong Siêu thị. Tổng lượng rác thải của dự án là 188,9 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn chủ yếu chiếm nhiều nhất là chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (thực phẩm thừa) và phần còn lại chủ yếu là các bao bì như plastic, giấy, thủy tinh rất ít các loại khác là vải, cao su, lon đồ hộp...

2. Chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh, bán hàng của siêu thị

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ văn phòng và kho hàng: Thùng giấy, xốp, bao bì chứa hàng hoá, giấy bỏ từ văn phòng: khoảng 240kg/ngày.

3. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại chủ yếu là hộp mực in thải có các thành phần nguy hại, bộ lọc dầu đã qua sử dụng từ máy phát điện, bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, dầu nhiên liệu và dầu diesel thải do quá trình bảo trì máy móc và thiết bị, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại, pin chì thải... Khối lượng chất thải rắn nguy hại ước tính khoảng 0,18kg/ngày. Cụ thể như sau:

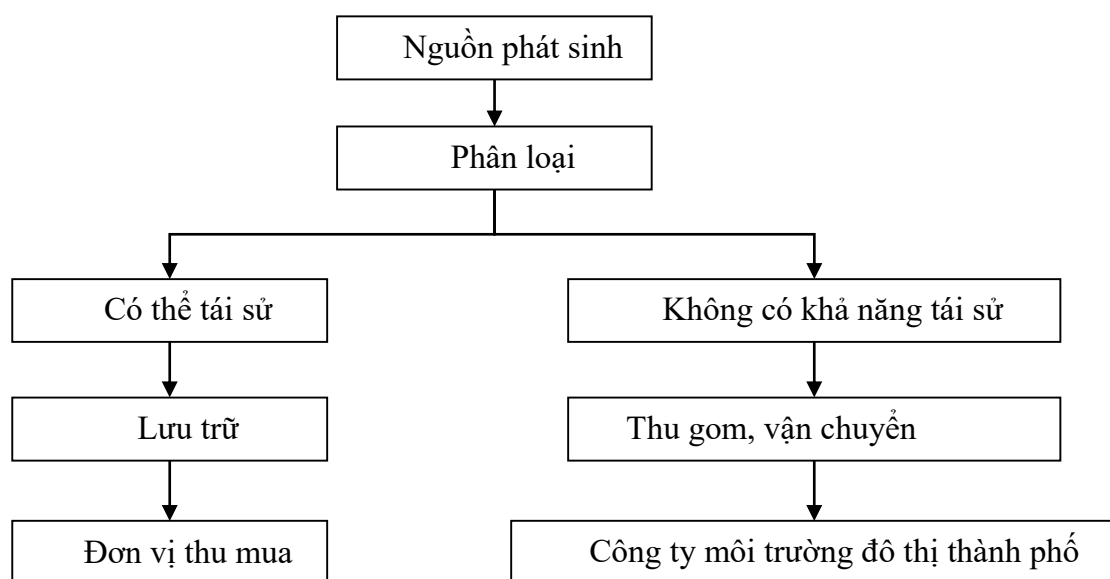
T T	Tên loại CTNH	Mã CTNH	ĐVT	Trạng thái tồn lưu
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,01Kg	Rắn
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, dẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	0,01Kg	Rắn
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	0,03Kg	Rắn
4	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	0,07kg	Rắn
5	Nhựa thải (vỏ chai..) có các thành phần nguy hại (chất tẩy rửa, sát trùng..)	16 01 09	0,06kg	Rắn

II. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được Siêu thị thu gom, phân loại:

- Chất thải rắn có thể tái sử dụng: Bao gồm các chai nhựa, hộp giấy, bao bì,... được tách riêng để bán cho cơ sở thu mua phế liệu.
- Chất thải không có khả năng tái sử dụng: Bao gồm thực phẩm thừa, vỏ trái cây, túi ni lon,... được thu gom tập trung tại các thùng rác sau đó được xe chở rác của Công ty TNHH MTV công trình Đô thị định kỳ thu gom và xử lý.



Sơ đồ thu gom CTR sinh hoạt

2. Chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh

Các loại chất thải có thể tái chế bao nilông, giấy, thùng carton, ... phát sinh trong quá trình nhập xuất hàng hoá và giấy bỏ từ văn phòng được thu gom, phần không tái sử dụng lại được thì chủ dự án sẽ hợp đồng bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Siêu thị bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại riêng biệt so với chất thải sinh hoạt. Kho chứa chất thải nguy hại nằm tách biệt với khu vực kinh doanh, diện tích kho khoảng 6,0 m². Khu vực này luôn luôn khô ráo, không bị nước mưa chảy tràn, bố trí các thùng chứa có dán nhãn cho phù hợp chất thải nguy hại phát sinh tại siêu thị, có trang bị vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ CTNH ở thể lỏng.

Chủ đầu tư cam kết thực hiện đúng theo khoản 1, điều 71, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ

môi trường về trách nhiệm của chủ nguồn chất thải nguy hại. Cụ thể như sau:

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của siêu thị được thu gom, phân loại riêng biệt so với chất thải rắn thông thường sau đó đưa về vị trí tập kết như đã nêu ở trên;

Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại riêng biệt, từng loại CTNH được tập trung vào thiết bị chứa riêng, có ghi tên, dán nhãn cảnh báo nguy hiểm.

Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 6 m² (3m x 2m) có nền bê tông chống thấm, có rãnh thu gom, gờ chống tràn, có gắn biển cảnh báo nguy hiểm,... đảm bảo bố trí theo quy định.

Các loại chất thải nguy hại phát sinh được lưu giữ tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định hiện hành.

Siêu thị liên hệ đơn vị có chức năng để ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với tần suất chuyển giao 01 năm/lần. Đồng thời, định kỳ cuối năm gửi báo cáo tình hình phát sinh và biện pháp về cơ quan có chức năng theo dõi, giám sát.

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

III. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

1. An toàn lao động:

- Niêm yết các bảng hướng dẫn và nội quy sử dụng an toàn hệ thống điện và hướng dẫn sử dụng máy móc của Siêu thị theo quy định.
- Tuân thủ quy trình hoạt động của các máy móc tại Siêu thị.
- Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo nội quy an toàn và vận hành thiết bị cụ thể của từng công đoạn sản xuất để công nhân nắm bắt và hiểu rõ tác hại khi xảy ra tai nạn.
- Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và kiến thức về an toàn lao động.
- Công nhân làm việc trong Siêu thị theo đúng trình độ và có quy định cụ thể đối với đặc thù công việc ở từng vị trí làm việc trong Siêu thị.
- Sắp xếp khu vực chứa nguyên vật liệu, sản phẩm, máy móc, thiết bị gọn gàng.
- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào kho: Yêu cầu công nhân phải sử dụng thành thạo các thiết bị, xe nâng, chuyên chở phù hợp, không vượt quá tải trọng.

- Tại các khu vực có nguồn nhiệt cao, nguồn điện, tại khu vực có khả năng đổ ngã,... dễ gây tai nạn lao động thì sẽ đặt biển báo hướng dẫn vận hành và đề phòng sự cố, tai nạn.

- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho công nhân: Khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt giày bảo hộ, ...

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

2.Các biện pháp ngăn ngừa và ứng cứu sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống PCCC đầy đủ và được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Bộ công an tỉnh Gia Lai nghiệm thu theo quy định.

- Lập kế hoạch phòng ngừa, ứng cứu sự cố để chủ động triển khai khi gặp phải sự cố.

- Lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn tại các hệ thống điện.

- Định kỳ 1 năm/lần, phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy tiến hành tập huấn, hướng dẫn, giáo dục cho toàn thể cán bộ nhân viên về công tác phòng chống cháy nổ để ứng cứu kịp thời khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống điện của Siêu thị, tránh trường hợp đoản mạch và chập mạch; sửa chữa, lắp đặt lại những thiết bị điện quá cũ hoặc bị hư hỏng.

3.Các biện pháp phòng ngừa và ứng cứu sự cố hóa chất:

- Khi phát hiện sự cố, vận hành viên hay người phát hiện sự cố thực hiện ngay các thao tác ứng phó theo các quy trình/phương án ứng cứu được giám đốc Công ty xây dựng và ban hành để ngăn chặn, hạn chế lây lan sự cố, bao gồm các bước sau:

- + Đóng van cô lập thiết bị ngăn chặn nguồn phát sinh nếu có thể được;

- Ngăn chặn nguồn hóa chất lan ra môi trường ngay lập tức bằng cách cô lập;

- Theo dõi ghi nhận toàn bộ các thông số, trạng thái hoạt động của các thiết bị của hệ thống, cô lập các nguồn tràn đổ.

- Khi sự cố hóa chất có những ảnh hưởng xấu tới môi trường đã được xác định, chủ dự án sẽ tiến hành các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường như thu hồi triệt để hóa chất tràn đổ, làm sạch mặt bằng và môi trường nơi tràn đổ rò rỉ hóa chất (trung hòa, pha loãng, hấp thụ...), đền bù thiệt hại cho người dân và môi trường... đồng thời thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan chức năng quản lý nhà nước về môi trường.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-TNMT ngày tháng 7 năm 2024
của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Pleiku

Chủ dự án (Công ty TNHH TM Sài Gòn-Gia Lai) thực hiện các nội dung sau:

1. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và các thông tin nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.
2. Xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
3. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.
4. Phối hợp với UBND phường Hoa Lư giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của dự án.
5. Tuân thủ giấy phép môi trường sau khi được cấp; xử lý khắc phục kịp thời sự cố môi trường và cam kết giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo nếu có.
6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.